

Số 1026/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 01 tháng 6 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Phê duyệt Đề án Quy hoạch tổng thể**  
**phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2011-2020**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7/9/2006 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 7/7/2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2007/TT-BKH ngày 7/2/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKH ngày 01/7/2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/NĐ-CP ngày 7/9/2006 và Quyết định số 281/2007/QĐ-BKH ngày 26/3/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành định mức chi phí cho lập, thẩm định quy hoạch và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành và quy hoạch các sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 27/4/2011 của UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt đề cương, dự toán kinh phí Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2011- 2020; Quyết định số 2793/QĐ-UBND ngày 15/12/2011 của UBND tỉnh Hà Giang về việc thành lập Hội đồng thẩm định các Quy hoạch liên quan đến lĩnh vực Nông nghiệp, Nông Lâm giai đoạn 2011 - 2020;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định các Quy hoạch liên quan đến lĩnh vực Nông nghiệp, Nông thôn giai đoạn 2011- 2020 tại tờ trình số 03/TT-HĐTD ngày 30/5/2012,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2011 - 2020, với các nội dung như sau:**

**I. Tên đề án:** Quy hoạch tổng thể phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2011-2020.

**II. Chủ đầu tư:** Sở Nông nghiệp và PTNT - Chi cục Kinh tế hợp tác và PTNT tỉnh Hà Giang.

**III. Quy mô Đề án:** Thực hiện trên toàn bộ khu vực nông thôn thuộc địa bàn tỉnh Hà Giang.

#### **IV. Mục tiêu phát triển**

##### **1. Quan điểm phát triển**

Phát triển ngành nghề nông thôn là giải pháp quan trọng để xóa đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn. Đồng thời gắn Phát triển ngành nghề nông thôn với phát triển các làng nghề, hình thành các cụm TTCN, các trung tâm thương mại đầu mối ở nông thôn. Gắn phát triển ngành nghề nông thôn với các hoạt động xúc tiến thương mại và du lịch, gắn hiệu quả kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo tồn và phát triển những giá trị di sản văn hóa truyền thống của địa phương.

Chủ trọng phát triển ngành nghề nông thôn về mặt chất lượng, tập trung phát triển những ngành nghề có tiềm năng thực sự, xây dựng các mô hình phát triển bền vững để tiến hành nhân rộng sau này.

Ưu tiên phát triển và xây dựng hình ảnh của ngành nghề nông thôn, của sản phẩm gắn với liền với bản sắc văn hóa của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh trong mối quan hệ bền vững với phát triển du lịch.

##### **2. Mục tiêu tổng quát**

Quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Hà Giang nhằm sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên, nâng cao giá trị nguồn nguyên liệu tại chỗ, giải quyết việc làm, bảo vệ môi trường.

Tạo được sự chuyển dịch mạnh mẽ về cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động khu vực nông thôn. Khôi phục và phát triển các làng nghề, ngành nghề nông thôn gắn với khai thác tốt tiềm năng du lịch và mở rộng xuất khẩu. Xây dựng các làng nghề mới mà tinh cơ thể mạnh về nguyên liệu và triển vọng thị trường.

##### **3. Mục tiêu cụ thể**

Phấn đấu tốc độ tăng trưởng GTSX ngành nghề nông thôn tỉnh Hà Giang: Giai đoạn 2011-2015 đạt 15,78%/năm (đến năm 2015 đạt 632,88 tỷ đồng); Giai đoạn 2016-2020 đạt 15,11%/năm (đến năm 2020 đạt 1.279,31 tỷ đồng) (theo giá cố định). Đến năm 2015 giải quyết được khoảng 50,7 nghìn lao động làm việc tại các cơ sở ngành nghề nông thôn, đến năm 2020 giải quyết được khoảng 67,2 nghìn lao động.

#### **V. Định hướng phát triển theo các giai đoạn**

1. Giai đoạn 2011-2015: Tập trung phát triển các nhóm ngành: (1) Chế biến nông, lâm sản, thủy sản (chủ yếu chế biến thô); (2) sản xuất vật liệu xây dựng; (3) sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ; (4) xây dựng, vận tải và (5) Phát triển một số ngành nghề mới: trồng và chế biến bảo quản cây dược liệu, hoa cây cảnh, chế biến bảo quản đậu tương, cây có dầu...

2. Giai đoạn 2011-2020: Tập trung phát triển các nhóm ngành: (1) Chế biến nông, lâm sản, thủy sản (chủ yếu chế biến tinh); (2) Phát triển ngành nghề cơ khí phục vụ nông nghiệp; (3) Gắn phát triển làng nghề với du lịch Phát triển các làng nghề truyền thống gắn với du lịch cộng đồng và (4) Phát triển ngành nghề, dịch vụ công nghệ cao.

## **VI. Quy hoạch phát triển theo các nhóm ngành nghề nông thôn**

### **1. Quy hoạch nhóm ngành bảo quản và chế biến nông lâm thủy sản**

Dự kiến đến năm 2015 giá trị sản xuất của ngành đạt 164,07 tỷ đồng theo giá so sánh (đạt tốc độ tăng trưởng 18,4%/năm) và đến năm 2020 đạt giá trị sản xuất là 285,9 tỷ đồng (tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2016 - 2020 đạt 15,03%/năm). Nếu tính theo giá hiện hành giá trị sản xuất của nhóm ngành nghề chế biến bảo quản nông lâm thủy sản đạt 358,87 tỷ đồng vào năm 2015 và khoảng 625,43 tỷ đồng vào năm 2020.

Đến năm 2015 dự kiến có khoảng 10,1 nghìn cơ sở tham gia nhóm ngành này, thu hút trên 15,6 nghìn lao động và đến năm 2020 có 11,2 nghìn cơ sở, thu hút gần 21 nghìn lao động.

### **2. Quy hoạch nhóm ngành sản xuất vật liệu xây dựng, mây tre đan, dệt may, cơ khí nhỏ**

Dự kiến đến năm 2015 giá trị sản xuất của nhóm ngành này đạt 212,6 tỷ đồng theo giá so sánh (đạt tốc độ tăng trưởng 17,41%/năm) và đến năm 2020 đạt giá trị sản xuất là 395,2 tỷ đồng (tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2016 - 2020 đạt 13,20%/năm).

Đến năm 2015 dự kiến có khoảng 2.679 cơ sở tham gia nhóm ngành này, thu hút trên 5,7 nghìn lao động và đến năm 2020 có 3.570 cơ sở, thu hút gần 10,3 nghìn lao động.

**3. Quy hoạch nhóm ngành nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ:** Nhóm ngành sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ được quy hoạch bao gồm việc phát triển các sản phẩm hiện có của tỉnh như đồ gỗ có chạm, chạm bạc, làm khèn Mông... Dự kiến đến năm 2015 toàn tỉnh có 60 cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ và đến năm 2020 có 90 cơ sở, thu hút khoảng 230 - 300 lao động làm nghề.

### **4. Quy hoạch nhóm ngành nghề xây dựng, vận tải nông thôn và các dịch vụ khác phục vụ sản xuất, đời sống dân cư nông thôn.**

Nhóm ngành này bao gồm: ngành xây dựng, ngành vận tải và ngành thương mại dịch vụ. Dự kiến đến năm 2015 toàn tỉnh có khoảng 352 cơ sở tham gia nhóm ngành này và đến năm 2020 có khoảng 595 cơ sở, thu hút từ 700 - 1.400 lao động tham gia.

### **5. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề, tư vấn sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn**

- Trong giai đoạn 2011 - 2015 đào tạo nghề cho 75.000 lao động, trong đó cao đẳng nghề, trung cấp nghề cho 7.500 lao động, sơ cấp nghề và dạy nghề dưới 3 tháng cho 67.500 lao động nông thôn, bình quân mỗi năm đào tạo nghề cho 15.000 lao động. Nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 45%, trong đó qua đào tạo nghề 36%.

- Hệ thống dạy nghề công lập: từ năm 2011 - 2015 hoàn thành việc nâng cấp trường Trung cấp nghề tỉnh lên thành trường Cao đẳng nghề, Trung tâm dạy nghề huyện Bắc Quang, Yên Minh, Vị Xuyên lên trường Trung cấp nghề và hoàn thành việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị cho các cơ sở dạy nghề vào năm 2013.

- Hệ thống dạy nghề ngoài công lập: Khuyến khích các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, các cá nhân trong và ngoài tỉnh thành lập cơ sở dạy nghề nhằm nâng cao chất lượng lao động, ưu tiên phát triển các làng nghề truyền thống phục vụ chuyển đổi việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.

## **VII. Giải pháp và chính sách thực hiện**

### **1. Giải pháp về vốn đầu tư**

Các nguồn vốn đầu tư được huy động từ các nguồn như: vốn chương trình mục tiêu quốc gia, vốn hỗ trợ theo mục tiêu, vốn cân đối ngân sách, vốn sự nghiệp... để đầu tư hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn. Tập trung hỗ trợ bảo tồn và phát triển làng nghề, hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng tại các cụm cơ sở ngành nghề nông thôn (hỗ trợ mặt bằng sản xuất, hỗ trợ trang thiết bị, hỗ trợ xử lý môi trường...), hỗ trợ phát triển các vùng nguyên liệu, đào tạo nguồn nhân lực, xúc tiến thương mại....

- Giải pháp về vốn để sản xuất: nguồn vốn này chủ yếu là toàn bộ chi phí phải bỏ ra trong quá trình sản xuất (chi phí nhân công, chi phí nguyên, nhiên vật liệu và chi phí sản xuất chung), là một phần vốn đóng góp của nhân dân cùng với vốn ngân sách để thực hiện các chương trình, dự án phát triển ngành nghề nông thôn của nhà nước, của địa phương. Phần vốn này do người sản xuất tự lo bằng vốn tự có hoặc vay ngắn hạn tại ngân hàng nông nghiệp hoặc các tổ chức tín dụng nhân dân....

### **2. Giải pháp đào tạo nguồn nhân lực**

Thay đổi phương thức đào tạo, thời gian đào tạo cho phù hợp với từng loại đối tượng, phát huy hình thức đào tạo theo hợp đồng. Các cơ sở ngành nghề nông thôn được hỗ trợ kinh phí gửi lao động đi đào tạo tại các trường Cao đẳng nghề, Trung cấp nghề và Trung tâm dạy nghề.

Khuyến khích mời các nghệ nhân trong và ngoài tỉnh kèm cặp, bồi dưỡng truyền nghề cho lực lượng lao động trẻ

Gửi lao động đến một số trường kỹ thuật có ngành nghề địa phương đang phát triển phát triển để đào tạo theo phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm: Nhà nước hỗ trợ một phần chi phí.

Khuyến khích các làng nghề, cơ sở nghề truyền thống mở lớp đào tạo nghề cho lao động địa phương và các vùng lân cận.

Lao động nông thôn khi tham gia học nghề ở các cơ sở đào tạo nghề được hỗ trợ kinh phí đào tạo theo chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn; được vay vốn từ chương trình quốc gia giải quyết việc làm, thông qua Quỹ Khuyến công Quốc gia và Trung tâm xúc tiến thương mại; Cùng cố và phát triển hệ thống các trường, trung tâm dạy nghề theo chương trình phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

### **3. Giải pháp về chính sách**

a) Về đất đai: Quy hoạch, tạo mặt bằng thuận lợi cho các hộ, cơ sở ngành nghề được thuê đất để hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã hoặc cụm xã. Miễn thuế thuê đất 3-5 năm đầu cho các cơ sở mới thành lập nằm ngoài điều kiện hưởng các ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất và sử dụng đất áp dụng trong

luật Đầu tư. Hỗ trợ giải phóng mặt bằng, nhất là cho các dự án có vai trò quan trọng thúc đẩy phát triển ngành nghề nông thôn.

b) Về tài chính và tín dụng: Thực hiện tốt phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, xã hội hóa trong đầu tư xây dựng, khai thác cơ sở hạ tầng; tiếp tục tăng tỷ trọng vốn ngân sách đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật nông thôn nói chung và ngành nghề nông thôn nói riêng.

- Tăng vốn tín dụng ưu đãi, vốn chương trình kích cầu của nhà nước cho các cơ sở ngành nghề nông thôn.

- Tăng cường nguồn vốn ODA, các nguồn tài trợ khác của các tổ chức chính phủ và phi chính phủ cho phát triển NNNT. Có chính sách khuyến khích đầu tư nước ngoài và từ khu vực thành thị vào nông thôn.

- Thành lập quỹ hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn;

c) Chính sách thuế: Những cơ sở ngành nghề nông thôn mới thành lập cần được miễn thuế 3 - 5 năm (tùy thuộc loại nghề, loại sản phẩm); sau đó, nếu thấy còn nhiều khó khăn, có thể tiếp tục xét giảm 50 - 70 % thuế trong 2 - 3 năm tiếp theo. Áp dụng chính sách khoán thuế hàng năm với thời hạn 3 - 5 năm để khuyến khích chủ cơ sở mở rộng sản xuất trong thời hạn được khoán thuế.

d) Về xúc tiến thương mại: Hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn trong các hoạt động xúc tiến thương mại, theo các chính sách hiện hành của Nhà nước như Luật Thương mại, các Nghị định, quyết định của Chính phủ, Bộ Công Thương. ..

đ) Ưu đãi đầu tư: Đối với các dự án sản xuất kinh doanh có hiệu quả: được hưởng ưu đãi đầu tư theo Luật Đầu tư; được vay vốn từ Quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm, được Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa bảo lãnh vay vốn tại các tổ chức tín dụng, được hưởng chính sách tín dụng đầu tư hiện hành của Nhà nước và của tỉnh Hà Giang.

#### **4. Giải pháp về khoa học công nghệ, xử lý chất thải, vệ sinh, môi trường**

a) Về ứng dụng và chuyển giao khoa học công nghệ: Chuyển giao ứng dụng các tiến bộ về khoa học công nghệ để nâng cao chất lượng nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất ngành nghề; Chuyển giao ứng dụng các dây chuyền thiết bị quy mô nhỏ và vừa để đảm bảo các công nghệ tiên tiến vào sản xuất, từng bước thay thế các công nghệ lạc hậu để tăng năng suất và chất lượng các sản phẩm ngành nghề nông thôn; Hỗ trợ đưa các công nghệ mới vào sản xuất để tăng hàm lượng sản phẩm chế biến sâu, tiến đến xuất khẩu. Tăng cường công tác khuyến nông. Hỗ trợ hoạt động khuyến nông, khuyến ngư, theo các quy định hiện hành.

b) Xử lý chất thải, vệ sinh, môi trường:

Tiên hành đánh giá hiện trạng môi trường đối với toàn bộ các cụm tiểu thủ công nghiệp - làng nghề, các cơ sở sản xuất. Những ngành nghề có gây ô nhiễm cần phải được đưa vào các khu sản xuất tập trung có xử lý ô nhiễm môi trường. Kiểm soát nghiêm ngặt nguồn ô nhiễm trong sản xuất các sản phẩm ngành nghề nông thôn.

Khuyến khích các cơ sở ngành nghề nông thôn đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ thiết bị, hiện đại hóa các công nghệ truyền thống theo phương châm kết hợp giữa công nghệ tiên tiến với công nghệ truyền thống.

Tạo cơ chế khuyến khích các cơ sở ngành nghề nông thôn phát triển các sản phẩm sạch và thân thiện với môi trường, khuyến khích sử dụng nguồn nguyên liệu tái sinh. Đưa nội dung thâm định tác động đối với môi trường của các cơ sở ngành nghề nông thôn, đặc biệt các cơ sở chế biến nông sản thực phẩm, chế biến gỗ, sản xuất vật liệu xây dựng...trước khi cho phép hoạt động.

### **5. Giải pháp về nguồn nguyên liệu**

Tích cực triển khai các chương trình trọng điểm của ngành nông nghiệp nhằm ổn định nguồn nguyên liệu phục vụ ngành nghề nông thôn.

Ưu tiên phát triển các nguồn nguyên liệu để phát triển các loại ngành nghề nông thôn có thế mạnh của tỉnh. Các loại nông lâm sản phổ biến như gạo, ngô, sắn, tre, luồng, gỗ keo, bò đê... cần được phân loại rõ ràng để tạo tính ổn định về chất lượng của các sản phẩm chế biến.

Việc quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu cần gắn với các nhà máy chế biến. Tạo mối liên hệ giữa nông dân và các nhà máy chế biến. Khuyến khích người sản xuất nguyên liệu góp vốn (hoặc đóng góp cổ phần) với nhà máy. Đồng thời các nhà máy chế biến cũng phải có đề án xây dựng vùng nguyên liệu, xây dựng cơ sở hạ tầng của vùng nguyên liệu. Quy mô và tính chất của vùng nguyên liệu phải phù hợp với quy mô và tính chất của nhà máy chế biến.

Hướng dẫn nông dân trong việc chọn giống, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật thâm canh, chăm sóc cây trồng, vật nuôi, kỹ thuật thu hái, sơ chế, bảo quản, vận chuyển sau thu hoạch để nâng cao chất lượng nguyên liệu và hiệu quả sản xuất.

### **6. Tổ chức sản xuất, thị trường và xúc tiến thương mại**

#### **a) Tổ chức sản xuất:**

- Phát triển các cơ sở sản xuất kinh doanh. Khuyến khích và ưu tiên tối đa phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ ngành nghề nông thôn, các hợp tác xã ngành nghề nông thôn, các hộ sản xuất quy mô lớn, các trang trại...

Gắn chặt nghiên cứu và triển khai sản xuất: Đầu tư chiều sâu vào sản xuất các mặt hàng chất lượng cao, từng bước xây dựng một thương hiệu chung cho các mặt hàng ngành nghề nông thôn của toàn tỉnh. Gắn chặt các chuyên gia, các nhà khoa học, các nhà thiết kế vào khâu phát triển sản phẩm.

Xây dựng các cụm cơ sở ngành nghề, làng nghề: Đầu tư xây dựng và phát triển các cụm cơ sở ngành nghề, làng nghề trên cơ sở xác định các nhu cầu thực tế, không xây dựng trên diện rộng theo phong trào.

Tạo mối liên kết ngành: Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để hình thành các mối liên kết giữa các cơ sở sản xuất ở các thành phần kinh tế như câu lạc bộ, hội ngành nghề để hỗ trợ trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm và cạnh tranh lành mạnh. Xúc tiến thành lập một số hội ngành nghề cấp tỉnh. Tiếp tục khuyến khích hình thành các hợp tác xã chuyên doanh ngành nghề nông thôn, các tổ hợp tác, các chi hội tại cơ sở, tạo sự liên kết chặt chẽ trong ngành.

#### **b) Thị trường và xúc tiến thương mại:**

##### **- Phân định thị trường:**

+ Thị trường nội tỉnh: Tổ chức mạng lưới tiêu thụ trong tỉnh trên cơ sở phát triển hệ thống chợ và các trung tâm thương mại. Phát triển mạng lưới tiêu thụ dựa trên tiềm năng du lịch rất lớn của Hà Giang. Tăng cường các công tác

quảng bá tiếp thị thông qua các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, tổ chức các cuộc thi chất lượng sản phẩm...

+ Thị trường ngoại tỉnh: Đẩy mạnh việc phát triển các thị trường truyền thống như Hà Nội, Lai Châu, Yên Bái, Hải Phòng, Nam Định, Thái Bình... đối với các mặt hàng và dịch vụ thực phẩm, rượu, vật liệu xây dựng. Đầu tư và thúc đẩy toàn diện việc cung cấp hàng cho thị trường Hà Nội thông qua hàng loạt các kênh phân phối như các nhà hàng, khách sạn, siêu thị. Tiến hành quảng cáo sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng của Hà Nội, giao lưu liên kết kinh tế giữa Lào Cai - Hà Nội và Hải Phòng....

+ Thị trường xuất khẩu: Tập trung đầu tư phát triển theo chiều sâu các mặt hàng xuất khẩu có tiềm năng hiện tại của tỉnh như chè, cây dược liệu, gỗ ván ép, hàng thủ công mỹ nghệ... Thị trường được định hướng chủ yếu là thị trường Trung Quốc, Nhật Bản, Châu Âu. Xây dựng mối liên kết và giao lưu kinh tế và văn hóa giữa Hà Giang và các thành phố có lịch sử lâu đời của các quốc gia trên thế giới như Kyoto (Nhật Bản), Bắc Kinh (Trung Quốc)... Tham gia các chương trình xúc tiến thương mại tại các thị trường mục tiêu, tham dự các hội chợ triển lãm chuyên ngành.

- Chất lượng sản phẩm: Xúc tiến xây dựng một bộ tiêu chuẩn cho các sản phẩm ngành nghề nông thôn của Hà Giang căn cứ trên tiêu chuẩn TCVN của Việt Nam cho các sản phẩm nội địa và tham khảo áp dụng các tiêu chuẩn của các thị trường xuất khẩu mục tiêu cho các mặt hàng xuất khẩu.

- Xây dựng thương hiệu: Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao ý thức và hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho các cơ sở sản xuất, làng nghề, sản phẩm ngành nghề nông thôn của tỉnh, tạo được những thương hiệu mạnh, có sức cạnh tranh cao trên thị trường, đặc biệt thương hiệu gắn liền với văn hóa và lịch sử Hà Giang tiến đến thống nhất một thương hiệu chung cho các sản phẩm đạt tiêu chuẩn của Hà Giang.

- Các hoạt động xúc tiến thương mại khác: Tổ chức định kỳ các hội chợ về ngành nghề nông thôn của tỉnh. Tổ chức cho các doanh nghiệp tiềm năng, các cán bộ chủ chốt của ngành đi khảo sát thị trường mục tiêu của ngành nghề nông thôn Hà Giang. Xây dựng trang web và các tài liệu nhiều ngôn ngữ về các sản phẩm ngành nghề nông thôn của Tỉnh. Xây dựng cơ sở dữ liệu về sản phẩm ngành nghề nông thôn, các làng nghề. Hỗ trợ các hiệp hội chuyên ngành trong việc tiếp cận thông tin thị trường cũng như các hoạt động xúc tiến thương mại của hiệp hội.

## VIII. Nhu cầu vốn đầu tư

1. Về tổng vốn đầu tư cho quy hoạch: 11.834,1 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn cho chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề: 37,5 tỷ đồng

- Vốn hỗ trợ phát triển các làng nghề gắn với du lịch 12 tỷ đồng.

- Vốn hỗ trợ phát triển cụm cơ sở ngành nghề nông thôn: 297,3 tỷ đồng

- Vốn xây dựng mô hình phát triển vùng nguyên liệu gắn với ngành nghề chế biến, bảo quản: 16,5 tỷ đồng.

- Vốn hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực: 67 tỷ đồng.

- Vốn xúc tiến thương mại: 57,5 tỷ đồng.

- Chi phí sản xuất hàng năm: 11.346,3 tỷ đồng.

**+ Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:**

- Vốn ngân sách trung ương: 290,3 tỷ đồng.
- Vốn ngân sách địa phương: 98,9 tỷ đồng.
- Vốn khác: 98,6 tỷ đồng.
- Chi phí sản xuất hàng năm (vốn góp của dân): 11.346,3 tỷ đồng.

**2. Phân kỳ đầu tư:**

*\* Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2011-2015: 4.108,5 tỷ đồng. Trong đó:*

- + Vốn đầu tư cho chương trình bảo tồn, phát triển làng nghề: 22,5 tỷ đồng;
- + Vốn đầu tư hỗ trợ phát triển các làng nghề gắn với du lịch: 7,2 tỷ đồng;
- + Vốn hỗ trợ phát triển cụm cơ sở ngành nghề nông thôn: 178,4 tỷ đồng;
- + Vốn xây dựng mô hình phát triển vùng nguyên liệu: 6,6 tỷ đồng;
- + Vốn hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực: 26,8 tỷ đồng;
- + Vốn xúc tiến thương mại: 23,0 tỷ đồng;
- + Chi phí sản xuất hàng năm: 3.844,0 tỷ đồng

*\* Tổng vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020: 7.725,6 tỷ đồng. Trong đó:*

- + Vốn đầu tư cho chương trình bảo tồn, phát triển làng nghề: 15,0 tỷ đồng;
- + Vốn đầu tư hỗ trợ phát triển các làng nghề gắn với du lịch: 4,8 tỷ đồng;
- + Vốn hỗ trợ phát triển cụm cơ sở ngành nghề nông thôn: 118,9 tỷ đồng;
- + Vốn xây dựng mô hình phát triển vùng nguyên liệu: 9,9 tỷ đồng;
- + Vốn hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực: 40,2 tỷ đồng;
- + Vốn xúc tiến thương mại: 34,5 tỷ đồng;
- + Chi phí sản xuất hàng năm: 7.502,3 tỷ đồng.

**IX. Các danh mục dự án ưu tiên đầu tư:** Quy hoạch tổng thể phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Hà Giang được thực hiện từ nay đến năm 2020. Trên cơ sở các hạng mục đầu tư cho phát triển ngành nghề nông thôn, xác định các chương trình trọng điểm và các dự án ưu tiên đầu tư để triển khai thực hiện quy hoạch có hiệu quả, cụ thể:

- Chương trình bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống, các cụm điểm cơ sở ngành nghề nông thôn; Chương trình đào tạo nghề cho lao động ngành nghề nông thôn.

- Dự án Đầu tư phát triển sản xuất tạo các mặt hàng thủ công mỹ nghệ phục vụ khách du lịch trong và ngoài nước; Dự án phát triển vùng nguyên liệu lanh, Đay, mây, song, tre trúc, cây dược liệu, chè; Dự án đầu tư hạ tầng cho các cụm điểm ngành nghề nông thôn gắn với các làng nghề, ngành nghề và du lịch; Dự án bảo tồn và củng cố các làng nghề hiện có; Dự án đầu tư xây dựng một số mô hình sơ chế - bảo quản rau, hoa, quả; Dự án đầu tư xây dựng một số mô hình giết mổ, chế biến gia súc, gia cầm; Dự án phát triển ngành nghề gắn với các tuyến du lịch trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Đề án xây dựng hệ thống tiêu chuẩn chất lượng ngành nghề nông thôn; Đề án xây dựng thương hiệu sản phẩm ngành nghề nông thôn.

**Điều 2. Trách nhiệm trong tổ chức thực hiện:**

**1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**



Là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh tổ chức chỉ đạo triển khai thực hiện quy hoạch này. Sở có trách nhiệm xây dựng kế hoạch 5 năm và hàng năm theo tiến độ thực hiện với từng ngành nghề, cụ thể hóa chỉ tiêu kế hoạch cho các huyện, thành phố.

Tiến hành xây dựng và đề xuất với UBND tỉnh việc áp dụng chính sách khuyến khích phát triển ngành nghề nông thôn theo nghị định số 66/2006/NĐ-CP và thông tư 113/2006/TT-BTC của bộ Tài chính sát với thực tế ngành nghề nông thôn tỉnh Hà Giang; chính sách được UBND tỉnh ban hành tạo cơ sở pháp lý tổ chức thực hiện đạt kết quả.

Chủ động phối hợp với sở Công thương, UBND các huyện, thành phố lập, trình duyệt và tổ chức thực hiện các dự án ưu tiên đầu tư kịp thời, đúng tiến độ. Phối hợp chặt chẽ với sở Tài nguyên - Môi trường lập kế hoạch và quy hoạch sử dụng đất dành cho hoạt động ngành nghề nông thôn;

Xây dựng kế hoạch chi tiết về: truyền nghề, dạy nghề, bồi dưỡng đào tạo cán bộ quản lý ngành nghề nông thôn cho các cơ sở và HTX, doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc đối tượng là ngành nghề nông thôn ưu tiên phát triển ở tỉnh Hà Giang. Hướng dẫn cơ sở ngành nghề đăng ký nguồn gốc xuất xứ hàng hóa và nhãn hiệu hàng hóa, tổ chức tham gia hội chợ triển lãm và các hoạt động xúc tiến thương mại khác.

Phối hợp với UBND các huyện, thành phố xây dựng các vùng nguyên liệu cung cấp cho ngành nghề nông thôn.

Cập nhật các thông tin và kết quả thực hiện quy hoạch, kịp thời đề xuất với UBND tỉnh những vấn đề cần điều chỉnh bổ sung cho sát với thực tế.

## **2. Sở Công thương**

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong việc thực hiện quy hoạch. Quy hoạch phát triển các cụm tiểu thủ công nghiệp - làng nghề hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn. Triển khai các hợp phần khuyến công theo Quyết định số 136/2007/QĐ-TTg ngày 20/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Hỗ trợ tìm kiếm thị trường, dự báo thị trường trong và ngoài nước, triển khai các chương trình xúc tiến thương mại. Hướng dẫn, khuyến cáo các cơ sở sản xuất ra những sản phẩm hợp với thị hiếu tiêu dùng. Hình thành những trung tâm giới thiệu sản phẩm ngành nghề nông thôn, xây dựng trang Web giới thiệu sản phẩm. Đề nghị công nhận nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống và thực hiện các chính sách có liên quan đến phát triển ngành nghề nông thôn.

## **3. Sở Kế hoạch và Đầu Tư, Sở Tài chính**

Căn cứ vào quy hoạch ngành nghề nông thôn đã được UBND tỉnh phê duyệt, tính toán cân đối, huy động các nguồn lực, xây dựng các kế hoạch ngắn hạn, dài hạn để thực hiện. Sở Kế hoạch và Đầu Tư chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở NN&PTNT tranh thủ các nguồn tài trợ của Trung ương, các doanh nghiệp và các tổ chức Quốc tế cho đầu tư cơ bản vào các cơ sở ngành nghề nông thôn.

## **4. Các sở, ngành liên quan**

a) *Sở Tài nguyên và Môi trường*: Phối hợp chặt chẽ với sở NN&PTNT lập kế hoạch và quy hoạch sử dụng đất dành cho hoạt động ngành nghề nông thôn.

Bố trí đủ quỹ đất cho phát triển ngành nghề nông thôn; hướng dẫn và giám sát việc xây dựng hệ thống công trình xử lý môi trường. Tiến hành những biện pháp cần thiết khi phát hiện vi phạm nhằm thực hiện phát triển ngành nghề nông thôn một cách bền vững. Chỉ đạo, hỗ trợ cơ sở sản xuất kinh doanh ngành nghề nông thôn lập hồ sơ để được hưởng chính sách hỗ trợ từ phía nhà nước đối với một số mô hình xử lý môi trường theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh Hà Giang.

b) *Sở Lao động và Thương binh xã hội*: Phối hợp với sở Nông nghiệp và PTNT, UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch đào tạo nghề và chỉ đạo các cơ sở dạy nghề do Sở quản lý tiếp nhận đào tạo nghề cho số lao động cần được đào tạo theo các dự án với chất lượng cao.

c) *Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch*: Phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT thực hiện dự án tập hợp tư liệu về nghề truyền thống, làng nghề truyền thống. Xây dựng dự án bảo tồn giá trị văn hoá làng nghề truyền thống. Phát triển làng nghề gắn với du lịch. Nghiên cứu về lịch sử phát triển của các làng nghề, ngành nghề, xuất bản sách và tổ chức triển lãm, hội thảo. Phát triển các tour, tuyến du lịch gắn với các làng nghề.

#### **5. Các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp**

a) *Liên minh hợp tác xã*: Tuyên truyền, vận động các cơ sở kinh tế cá thể, kinh tế tiểu chủ, các hộ gia đình, các cơ sở sản xuất nhỏ và vừa phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Tổng kết và phổ biến kinh nghiệm của các hợp tác xã điển hình tiên tiến, tổ chức các phong trào thi đua giữa các hợp tác xã, các làng nghề; Tổ chức các hoạt động hỗ trợ, tư vấn, cung cấp dịch vụ cho các thành viên về pháp lý, đầu tư, khoa học công nghệ, thông tin, tài chính, tín dụng, thị trường và các lĩnh vực khác trong quá trình phát triển ngành nghề; Tham gia các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, phát triển quan hệ hợp tác với các tổ chức ở các nước; tiếp nhận và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ, các khoản viện trợ để phát triển hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã;

b) *Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể*: Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của phát triển ngành nghề nông thôn và vận động người dân tham gia thực hiện; Tổ chức những hoạt động cụ thể phù hợp với nội dung hoạt động của dự án. Phối hợp, hợp tác các thành viên trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

**6. UBND các huyện, thành phố**: Căn cứ vào quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2011 - 2020 đã được phê duyệt để xây dựng kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn ở huyện, thành phố; xây dựng - triển khai thực hiện các dự án về ngành nghề nông thôn. Chỉ đạo các phòng, ban tham mưu và các xã, thị trấn đề ra các chỉ tiêu và giải pháp cụ thể giúp các hộ ngành nghề, các cơ sở sản xuất khai thác hợp lý, hiệu quả mọi nguồn tiềm năng sẵn có ở địa phương vào sản xuất.

Có kế hoạch cụ thể khôi phục và phát triển nghề - nghề truyền thống, làng nghề - làng nghề truyền thống.

Lồng ghép các chương trình triển khai thực hiện trên địa bàn (huyện - xã...) nhằm hỗ trợ cho phát triển ngành nghề nông thôn như: xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đào tạo nhân lực và tạo việc làm, xóa đói, giảm nghèo,...

Tăng cường tuyên truyền, vận động nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế, tham gia sản xuất ngành nghề nông thôn. Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên môn chuyên trách về phát triển ngành nghề nông thôn ở huyện. Tăng cường đội ngũ cán bộ chuyên môn bám sát địa bàn để hỗ trợ kịp thời các cơ sở sản xuất hiểu và thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện

Thực hiện tốt cơ chế dân chủ để người dân có cơ hội cùng tham gia kể từ khi lập kế hoạch, cùng chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các đề án phát triển ngành nghề nông thôn

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Lao động - TBXH, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Liên minh HTX tỉnh, Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các Sở, Ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ NN và PTNT;
- T.Tr Tỉnh ủy;
- T.Tr HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể;
- Chi cục KTHH và PTNT;
- Lưu: VT, NNTNMT

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Minh Tiến**